

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02-2023.

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Út
2. Bà Trương Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 410/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HN ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đào Văn T

Địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện CTA, tỉnh H. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Đào Thị H

Địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện CTA, tỉnh H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Đào Văn T trình bày: Anh và chị Đào Thị H chung sống với nhau từ năm 1999, có tổ chức đám cưới, đến ngày 08/7/2008 thì tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện CTA, tỉnh H (nay là thị trấn B, huyện CTA, tỉnh H). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 6/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã gây mất hạnh phúc. Cả hai đã nhiều lần tạo điều kiện hàn gắn nhưng không thành. Nay anh nhận thấy cuộc

sống vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đào Thị H.

Về con chung: Thời gian sống với nhau có 03 con chung tên Đào Thị Mỹ H1, giới tính: Nữ, sinh ngày 28/02/2000, Đào Chí L, giới tính: Nam, sinh ngày 28/3/2002 và Đào Tuấn N, giới tính: Nam, sinh ngày 16/4/2006, hiện tại cháu H1 và cháu L đã trưởng thành nên không có yêu cầu, riêng cháu N muốn sống chung với ai do cháu tự quyết định.

Về tài sản chung: Không có nên không có yêu cầu

Về nợ chung: Không có nên không có yêu cầu

Bị đơn chị Đào Thị H quá trình tố tụng đã được Toà án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà: Anh Đào Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Chị Đào Thị H tiếp tục vắng mặt nên không thể phát biểu yêu cầu nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là chị Đào Thị H, hiện tại có nơi cư trú tại ấp A, thị trấn B, huyện CTA, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3] Về xét xử vắng mặt. Chị Đào Thị H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Văn T và chị Đào Thị H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy đăng ký số 117 ngày 08/7/2008 của Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn B), huyện CTA theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Anh T yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã gây mất hạnh phúc, Tòa đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho hai người được đoàn tụ nhưng chị H không tham dự. Anh T kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Xét quan

hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng anh T và chị H chung sống phát sinh mâu thuẫn lại không tạo điều kiện để hàn gắn thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Đào Văn T được ly hôn với chị Đào Thị H.

[2]. Về con chung: Anh T và chị H sống với nhau có 03 con chung tên Đào Thị Mỹ H1, giới tính: Nữ, sinh ngày 28/02/2000, Đào Chí L, giới tính: Nam, sinh ngày 28/3/2002 và Đào Tuấn N, giới tính: Nam, sinh ngày 16/4/2006, anh T đồng ý để các con tự quyết định muốn sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng, chị H chưa có ý kiến. Xét thấy cháu Đào Thị Mỹ H1 và Đào Chí L hiện tại đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề giải quyết, riêng cháu Đào Tuấn N hiện tại đã trên 7 tuổi, theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình thì việc giao cháu cho ai được trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét nguyện vọng của cháu và tại Tờ tự khai của cháu N, thể hiện nếu cha mẹ không sống chung nữa thì cháu có nguyện vọng được sống với cha. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu N cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

[4]. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đào Văn T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Đào Văn T được ly hôn với chị Đào Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đào Tuấn N, giới tính: Nam, sinh ngày 16/4/2006 cho anh Đào Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Đào Thị H chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Chị Đào Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Đào Văn T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số 0012245 ngày 18/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Anh T không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Anh Đào Văn T, chị Đào Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND thị trấn B
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.

Trần Minh Mẫn